



East Asia & Pacific
Gender



Báo cáo Tóm tắt Chính sách số 2 | Tháng 03/2018

Khoảng cách giới về thu nhập ở Việt Nam: tại sao phụ nữ Việt Nam làm việc trong những ngành nghề có thu nhập thấp hơn?

Tác giả: Iffat Chowdhury, Hillary Johnson, Aneesh Mannava và Elizaveta Perova

CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH

- Phụ nữ ở Việt Nam có thu nhập trung bình năm thấp hơn 3 triệu đồng so với nam giới, tương đương thu nhập trong một tháng. Mức chênh lệch này không thay đổi trong giai đoạn 2011 - 2014.
- Khoảng cách về thu nhập vẫn tồn tại mặc dù khoảng cách về học vấn đã được thu hẹp, một phần là do nhiều phụ nữ làm việc trong các ngành có thu nhập thấp.
- Phụ nữ từ bỏ mức lương cao hơn để làm việc trong các ngành nghề có các phúc lợi phi tiền tệ tốt hơn: nghỉ phép có lương, số giờ làm việc trong tuần ít hơn, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội. Lựa chọn này có thể được thúc đẩy bởi sự phân chia không đều trong việc nhà và việc chăm sóc gia đình.

BỐI CẢNH

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong việc thu hẹp khoảng cách giới về giáo dục và tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động. Tuy nhiên, các cơ hội trên thị trường lao động của phụ nữ có ngang bằng với nam giới? Chúng tôi tiến hành phân tích khoảng cách giới về thu nhập và xác định được rằng xu hướng làm việc trong những nghề có thu nhập thấp hơn của phụ nữ là nguyên nhân chính gây ra khoảng cách

CHƯƠNG TRÌNH ĐỐI TÁC AUSTRALIA - NGÂN HÀNG THẾ GIỚI - GIAI ĐOẠN II (ABP-II)

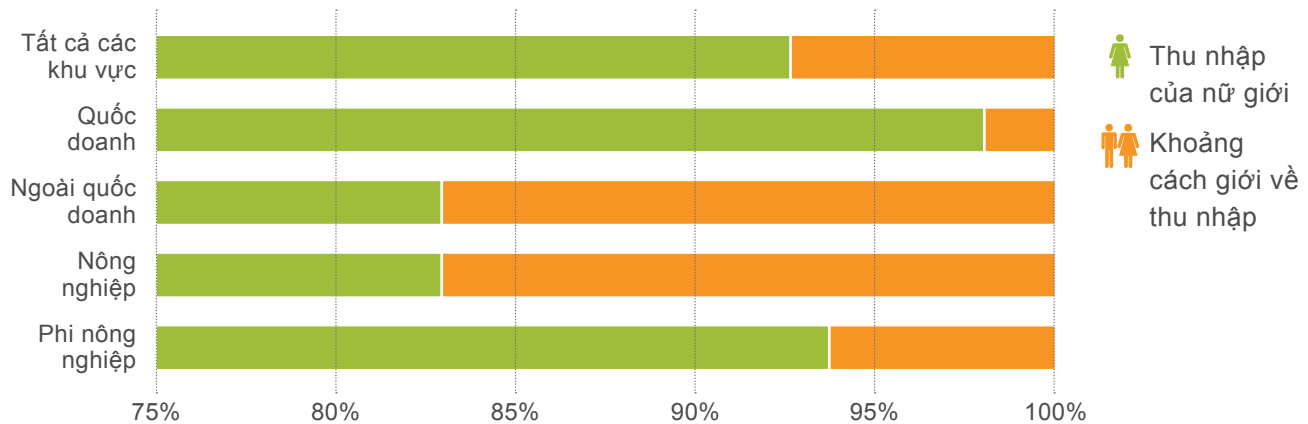
Chương trình Đối tác Australia - Ngân hàng Thế giới - Giai đoạn II (ABP-II) tiến hành phân tích toàn diện dựa trên dữ liệu và bằng chứng về những thách thức mới trong bình đẳng giới và hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và các hoạt động sáng tạo nhằm giải quyết những thách thức này và tăng cường trao quyền kinh tế cho phụ nữ.

PHÒNG NGHIÊN CỨU SÁNG KIẾN GIỚI ĐÔNG Á VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG

Phòng nghiên cứu Sáng kiến Giới Đông Á và Thái Bình Dương (EAPGIL) tiến hành đánh giá tác động và nghiên cứu suy luận để đưa ra dẫn chứng về những biện pháp hiệu quả nhằm thu hẹp khoảng cách giới về tài sản, cơ hội kinh tế và hoạt động kinh tế, và vai trò của việc thu hẹp khoảng cách giới để đạt được các mục tiêu phát triển khác.

HÌNH 1: THU NHẬP CỦA NỮ GIỚI SO VỚI THU NHẬP CỦA NAM GIỚI TRONG CÁC KHU VỰC KHÁC NHAU.

% THU NHẬP CỦA NỮ GIỚI SO VỚI NAM GIỚI



giới về thu nhập. Chúng tôi cũng đưa ra các bằng chứng gợi ý về lý do phụ nữ chọn làm việc trong những ngành nghề có thu nhập thấp hơn.

CÁCH THỨC THỰC HIỆN

Chúng tôi sử dụng kết hợp dữ liệu từ các Báo cáo Điều tra Lao động và Việc làm (LFS) của Việt Nam, Khảo sát Những cuộc đời trẻ thơ (Young Lives Survey) và Chương trình Đo lường Kỹ năng STEP của Ngân hàng Thế giới để trả lời các câu hỏi sau:

- Khoảng cách thu nhập giữa nam giới và nữ giới ở Việt Nam lớn như thế nào?
- Nguyên nhân nào gây ra khoảng cách này? Khuyến hướng lựa chọn các ngành nghề khác nhau của nữ giới và nam giới có phải là một nguyên nhân không?
- Tại sao phụ nữ luôn lựa chọn làm việc trong những nghề có thu nhập thấp hơn? Chúng tôi nghiên cứu ba giả thuyết:
- Các chuẩn mực xã hội về công việc phù hợp cho nam và nữ có định hướng các mong muốn và lựa chọn học tập ở độ tuổi thanh thiếu niên hay không?

- Phụ nữ có gặp khó khăn hơn khi tìm kiếm việc làm trong ngành học của mình khi chuyển tiếp từ học sang làm hay không?
- Có phải phụ nữ từ bỏ những ngành nghề trả lương cao hơn để có được công việc linh hoạt hơn: thời gian làm việc ngắn hơn và chế độ nghỉ phép tốt hơn?

PHÁT HIỆN

Khoảng cách về thu nhập vẫn luôn tồn tại ở Việt Nam

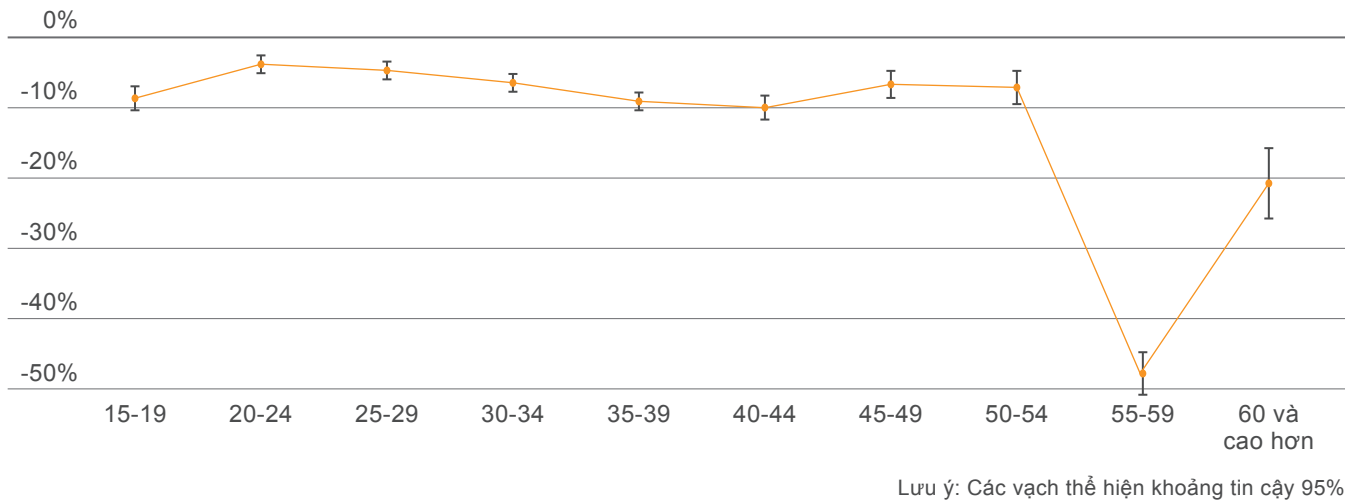
Số liệu hàng năm¹ từ LFS trong giai đoạn 2011 - 2014 cho thấy phụ nữ có thu nhập ít hơn trung bình 3.000.000 đồng (khoảng 130 USD²) so với nam giới mỗi năm, tức là gần bằng thu nhập trong một tháng. Thu nhập của lao động nam nhiều hơn của lao động nữ cả trong khu vực quốc doanh và ngoài quốc doanh và trong các ngành nông nghiệp và phi nông nghiệp. Khoảng cách này vẫn không đổi trong suốt bốn năm thu thập dữ liệu LFS mà chúng tôi sử dụng.

Khoảng cách về thu nhập tồn tại trong tất cả các nhóm tuổi, gia tăng quanh độ tuổi sinh đẻ và tăng đột biến ở nhóm tuổi 55-59 gần độ tuổi về hưu của phụ nữ (55 tuổi). Khoảng cách này được thu hẹp lại khi nam giới về hưu ở tuổi 60.

¹ Báo cáo Điều tra Lao động Việc làm chỉ có thông tin về lương của lao động nam và nữ hiện đang làm công ăn lương (không phải tự doanh hoặc làm không lương).

² Giả định thời gian làm việc là 40 giờ/tuần, 52 tuần/năm. Chuyển đổi sang USD dựa trên tỷ giá hối đoái năm 2017 là 22.700 VNĐ = 1 USD.

HÌNH 2: KHOẢNG CÁCH VỀ THU NHẬP Ở CÁC NHÓM TUỔI KHÁC NHAU



Nguyên nhân của khoảng cách giới về thu nhập ở Việt Nam?

Khác biệt về giáo dục có thể giải thích hợp lý cho khoảng cách về thu nhập. Tuy nhiên, ở Việt Nam, nữ giới có thu nhập thấp hơn nam giới mặc dù có trình độ học vấn cao hơn. Cột B ở Hình 3 cho thấy đối với nữ giới và nam giới có cùng trình độ học vấn, khoảng cách thu nhập thậm chí còn lớn hơn.

Khi thêm yếu tố ngành, nghề vào phân tích, chúng tôi nhận thấy khoảng cách thu nhập giữa nam giới và nữ giới có cùng trình độ học vấn, làm việc trong cùng ngành nghề thấp hơn khoảng cách thu nhập giữa nam và nữ có cùng trình độ học vấn (Cột 3 Hình 3). Điều này cho thấy một yếu tố quan trọng dẫn đến khoảng cách giới về thu nhập là xu hướng của phụ nữ làm việc trong các ngành nghề có thu nhập thấp hơn so với nam giới.

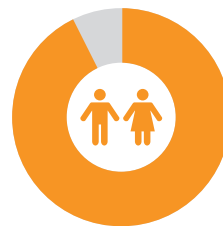
Tại sao phụ nữ ở Việt Nam chọn làm việc trong những ngành nghề có thu nhập thấp hơn so với nam giới?

Chúng tôi kiểm tra ba giả thuyết về lý do phụ nữ chọn làm việc ở những nghề có thu nhập thấp hơn.

Đầu tiên, chúng tôi tìm hiểu vai trò của chuẩn mực xã hội. Các chuẩn mực xã hội về nghề nghiệp phù hợp cho nam và nữ thường được dạy từ khi còn nhỏ và có thể ảnh hưởng đến nguyện vọng và lựa chọn học tập của học sinh nam và nữ, bao gồm cả ngành học mà họ lựa chọn. Ngành học làm giới hạn các

HÌNH 3: THU NHẬP CỦA NỮ GIỚI SO VỚI THU NHẬP CỦA NAM GIỚI TRONG CÁC NHÓM CÓ ĐẶC ĐIỂM TƯƠNG TỰ NHAU. % THU NHẬP CỦA NỮ GIỚI SO VỚI NAM GIỚI

93%



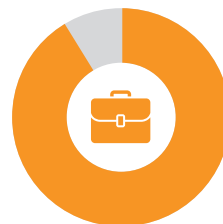
A - Nam giới và nữ giới có đặc điểm xã hội - nhân khẩu học tương tự nhau

89%



B - A+ trình độ học vấn tương tự nhau

91%



C - B+ ngành nghề tương tự nhau

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo chính sách này được soạn thảo trong khuôn khổ hợp tác giữa Chương trình Đối tác Australia - Ngân hàng Thế giới - Giai đoạn II (ABP2) tại Việt Nam và Phòng nghiên cứu Sáng kiến Giới Đông Á và Thái Bình Dương (EAPGIL). ABP-II được tài trợ bởi Chính phủ Australia và EAPGIL được tài trợ bởi Quỹ Bảo vệ Bình đẳng Giới của Nhóm Ngân hàng Thế giới (UFGE) với sự hợp tác của Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia. UFGE đã nhận được các khoản đóng góp lớn từ Australia, Canada, Đan Mạch, Phần Lan, Đức, Iceland, Hà Lan, Na Uy, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Anh và Hoa Kỳ. Thông báo về báo cáo chính sách này có tại: www.worldbank.org/en/country/vietnam và <http://www.worldbank.org/eapgil>

ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN

Elizaveta Perova, EAP GIL
eperova@worldbank.org

Helle Buchhave, ABPII Gender
hbuchhave@worldbank.org
<http://www.worldbank.org/eapgil>

lựa chọn nghề nghiệp cho một cá nhân và hành trình suốt đời của họ trong thị trường lao động.

Để kiểm tra giả thuyết này, chúng tôi sử dụng dữ liệu về nghề nghiệp mong muốn của học sinh nam và nữ ở tuổi 12 từ Khảo sát Những cuộc đời trẻ thơ và so sánh với số liệu về thu nhập trong các nghề này từ LFS. Chúng tôi kiểm tra xem có khoảng cách giới về thu nhập hay không nếu những người này theo đuổi nghề nghiệp mà họ mong muốn ở tuổi 12. Chúng tôi thấy rằng học sinh nữ mong muốn làm trong những nghề có thu nhập cao hơn học sinh nam.

Thứ hai, sử dụng dữ liệu STEP, chúng tôi kiểm tra xem phụ nữ có gặp nhiều khó khăn hơn khi tìm kiếm việc làm trong ngành học của họ hay không. Chúng tôi không thấy có bất kỳ bằng chứng nào hỗ trợ cho giả thuyết này cũng như cho giả thuyết rằng phụ nữ có xác suất làm công việc phù hợp với ngành học cao hơn nam giới.

Thứ ba, chúng tôi tìm hiểu xem có phải phụ nữ chọn làm việc ở những nghề có thu nhập thấp hơn để đảm bảo việc làm với thời gian linh hoạt hơn và phúc lợi phi tiền tệ tốt hơn. Thật vậy, sử dụng dữ liệu LFS, chúng tôi thấy rằng phụ nữ làm việc trong những ngành nghề có chế độ tốt hơn về nghỉ phép, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và có hợp đồng chính thức. Lao động nữ cũng làm việc trung bình ít hơn hai giờ đồng hồ mỗi tuần so với lao động nam.

KHUYẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH

Phân tích của chúng tôi đề xuất rằng so với nam giới, phụ nữ sẵn lòng từ bỏ mức lương cao hơn để đảm bảo việc làm với số giờ làm việc hàng tuần, chế độ nghỉ phép, bảo hiểm tốt hơn và có hợp đồng. Một yếu tố có thể là động cơ cho ưu tiên này là sự phân công việc nhà không đồng đều. Trên thực tế, phụ nữ ở Việt Nam dành nhiều hơn 14 giờ mỗi tuần so với nam giới để làm việc nhà và chăm sóc con cái hoặc người cao tuổi³.

Bằng chứng này gợi ý hai cách can thiệp có tiềm năng thu hẹp khoảng cách giới về thu nhập ở Việt Nam. Thứ nhất, các hoạt động can thiệp giúp phụ nữ cân bằng tốt hơn giữa vai trò trong gia đình và vai trò trong công việc mà không phải mất nhiều chi phí thị trường lao động có thể giúp giải quyết vấn đề này - ví dụ như cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em đầy đủ với giá cả phải chăng và dễ tiếp cận, hoặc cho phép sử dụng các phương án làm việc linh hoạt. Thứ hai, các hoạt động can thiệp nhằm khuyến khích phân chia việc chăm sóc gia đình và gánh nặng công việc công bằng hơn - ví dụ như các sáng kiến về pháp lý hoặc của khu vực tư nhân cho phép nam giới và nữ giới có thời gian nghỉ chăm sóc con cái như nhau, cũng như các chương trình nhằm thay đổi thái độ của nam giới đối với việc làm việc nhà.